TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2022/KDTM-ST
Ngày: 09/6/2022
V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ái Ngân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trương Thị Thu Cúc.

Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Trần Đình Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương *tham gia phiên tòa*: Bà Lê Thị Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 17/2021/TLST-KDTM ngày 11 tháng 3 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2022/QĐXXST-KDTM ngày 11 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2022/QĐST-KDTM ngày 25 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Công ty TNHH MTV Sắt Thép K; có mặt

Địa chỉ: số 389 đường M, khu 5, phường Đ, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Thái Ánh N, sinh năm 1988; địa chỉ: số 269/1F, khu phố T, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo uỷ quyền (văn bản uỷ quyền ngày 07/6/2022).

- *Bị đơn*: Công ty TNHH Xây dựng và Kỹ thuật H; vắng mặt.

Địa chỉ: tầng 8, khu phức hợp C, số 1 đường S, xa lộ H, phường A, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Trần Huỳnh Hương G, sinh năm 1974; chức danh: Giám đốc, là người đại diện theo pháp luật.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/02/2022, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên toà người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Công ty TNHH MTV Sắt Thép K trình bày:

Công ty TNHH Xây dựng và Kỹ thuật H (sau đây gọi tắt tà Công ty H) là khách hàng đối tác của Công ty TNHH MTV Sắt thép K (sau đây gọi là Công ty K) trong lĩnh vực cung ứng vật tư, hàng hoá là sắt thép, phụ kiện công nghiệp. Sau quá trình trao đổi, hai công ty ký hợp đồng nguyên tắc số 01/060/HĐNT – 2020 ngày 20/11/2020 với nội dung như sau:

Công ty K là nhà cung cấp vật tư, hàng hoá sắt thép và phụ kiện công nghiệp cho công ty H theo từng đơn hàng cụ thể. Trong mỗi đơn hàng các bên xác định số lượng, đơn giá, trị giá hàng hoá và thuế VAT.

Thời gian thực hiện hợp đồng là 03 tháng từ ngày 20/11/2020 đến ngày 19/02/2021. Khi nhận hàng, các bên sẽ tiến hành xác nhận công nợ theo từng tháng, Công ty H phải thanh toán toàn bộ công nợ trong 15 ngày kể từ ngày nhận được hoá đơn tài chính do công ty K phát hành.

Thực hiện hợp đồng nguyên tắc số 01/060/HĐNT – 2020 ngày 20/11/2020 thì trong năm 2020 đến tháng 7/2021 Công ty K đã cung cấp cho Công ty H các mặt hàng bao gồm van ống nước và phụ kiện công nghiệp lắp đặt cho các công trình xây dựng mà công ty H đang thực hiện với đối tác. Tổng giá trị hàng hoá đã mua bán là 6.021.545.107 đồng, Công ty H đã thanh toán được 5.423.374.083 đồng, còn nợ lại 598.171.024 đồng, cụ thể: hoá đơn ngày 25/01/2021 là 299.509.760 đồng, hoá đơn ngày 21/01/2021 là 105.666.000 đồng, hoá đơn ngày 28/01/2021 là 176.064.364 đồng, hoá đơn ngày 02/02/2021 là 4.505.600 đồng, 13/3/2021, hoá đơn ngày 13/3/2021 là 12.425.300 đồng.

Ngày 05/5/2020, các bên tiến hành đối chiếu và xác nhận công nợ (đính kèm thư đề nghị thanh toán và xác nhận nợ đã ký giữa hai bên), theo đó Công ty H thống nhất còn nợ số tiền là 598.171.024 đồng. Tuy nhiên, Công ty K đã nhiều lần yêu cầu nhưng Công ty H không thanh toán.

Nay, Công ty K khởi kiện yêu cầu Công ty H phải thanh toán các khoản sau:

- Tiền hàng chưa thanh toán: 598.171.024 đồng (năm trăm chín mươi tám triệu một trăm bảy mươi mốt nghìn không trăm hai mươi bốn đồng).

- Tiền lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tính đến ngày 08/6/2022 với mức lãi suất trung bình tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn là 8%/365 ngày × 150% = 0,03% ngày (12%/năm), cụ thể:

Hoá đơn ngày 25/01/2021: 299.509.760 đồng × 484 ngày × 0,03% = 43.488.817 đồng.

Hoá đơn ngày 21/01/2021: 105.666.000 đồng × 488 ngày × 0,03% = 15.469.052 đồng.

Hoá đơn ngày 28/01/2021: 176.064.364 đồng × 481 ngày × 0,03% = 25.406.088 đồng.

Hoá đơn ngày 02/02/2021: 4.505.600 đồng × 476 ngày × 0,03% = 643.400 đồng.

Hoá đơn ngày 13/3/2021: 12.425.300 đồng × 437 ngày × 0,03% = 1.628.957 đồng.

Tổng số tiền lãi là 86.636.764 đồng.

- Tiền phạt vi phạm hợp đồng: các bên thoả thuận tại khoản 2, Điều IV của hợp đồng nguyên tắc ngày 20/11/2020 thể hiện bên vi phạm có nghĩa vụ phải chịu tiền phạt vi phạm hợp đồng là 0,05%/ngày trên số tiền vi phạm, mức phạt cao nhất là 8% giá trị hợp đồng. Như vậy, tính đến ngày 31/3/2022 nếu áp dụng mức phạt vi phạm 0,05%/ngày trên số tiền nợ gốc chậm thanh toán của 05 hóa đơn vào các ngày 25/01/2021, 21/01/2021, 28/01/2021, 02/02/2021, 13/3/2021 thì Công ty HG ENC phải chịu phạt với số tiền 144.394.606 đồng. Tuy nhiên, mức phạt cao nhất là 8% trên số tiền nợ gốc tính đến ngày 31/3/2022 là 47.853.682 đồng nên nguyên đơn yêu cầu phạt vi phạm hợp đồng là 8% tương đương số tiền 47.853.682 đồng .

Tại phiên toà, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tống đạt hợp lệ được các văn bản tố tụng cho bị đơn Công ty TNHH Xây dựng và Kỹ thuật H, trụ sở: tầng 8, khu phức hợp C,số 1 đường S, xa lộ H, phường A, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh. Bị đơn nhận được các văn bản tố tụng nhưng không đến Toà án làm việc, không cung cấp tài liệu chứng cứ, không gửi văn bản trình bày ý kiến nên Toà án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn. Căn cứ công văn số 1652/ĐKKD-T6 ngày 05/4/2022 của Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh xác định Công ty TNHH Xây dựng và Kỹ thuật H vẫn còn hoạt động tại địa chỉ trên, chưa đăng ký giải thể. Căn cứ vào các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án; xác định tư cách tham gia tố tụng; giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; thu thập tài liệu chứng cứ; tống đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Công ty K khởi kiện Công ty Công ty H yêu cầu trả số tiền nợ gốc, nợ lãi phát sinh và phạt vi phạm từ hoạt động kinh doanh của hai công ty nên quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa". Theo thoả thuận tại Điều VI trong hợp đồng nguyên tắc

ngày 20/11/2020, Công ty K và Công ty H thoả thuận lựa chọn Toà án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một là nơi có trụ sở của nguyên đơn để giải quyết khi phát sinh tranh chấp nên đây là tranh chấp về kinh doanh thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự có mặt của đương sự tại phiên toà: Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không rõ lý do nên Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét hình thức của hợp đồng nguyên tắc về việc mua bán hàng hoá ngày 20/11/2020: Hợp đồng được lập thành văn bản có chữ ký và đóng dấu của đại diện bên A là Công ty H và đại diện bên B là Công ty K nên về hình thức của hợp đồng đúng theo quy định tại Điều 24 Luật thương mại.

[2.2] Các thoả thuận trong hợp đồng hợp đồng nguyên tắc về việc mua bán hàng hoá ngày 20/11/2020 đã ký, loại hàng hoá các bên mua bán là phù hợp với hàng hoá đăng ký kinh doanh, không phải hàng cấm, hạn chế hoặc kinh doanh có điều kiện nên hợp đồng không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội do đó có giá trị thi hành đối với các bên.

[2.3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền mua hàng còn thiếu là 598.171.024 đồng: Quá trình thực hiện hợp đồng, do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn căn cứ vào Thư xác nhận nợ phải thu của khách hàng ngày 05/5/2021 có chữ ký của người đại diện theo pháp luật Công ty H là bà Trần Huỳnh Hương G và đóng dấu Công ty H xác nhận "Chúng tôi xác nhận số dư nêu trên là đúng". Kèm theo đó, nguyên đơn cung cấp các hoá đơn như sau: Ngày 25/01/021, số hoá đơn 1129, số tiền nợ chưa thanh toán: 299.509.760 đồng; Ngày 21/01/2021, số hoá đơn 1122, số tiền nợ chưa thanh toán: 105.666.000 đồng; Ngày 28/01/2021, số hoá đơn 1142, số tiền nợ chưa thanh toán: 176.064.364 đồng; Ngày 02/02/2021, số hoá đơn 1165, số tiền nợ chưa thanh toán: 4.505.600 đồng; Ngày 13/03/2021, số hoá đơn 1254, số tiền nợ chưa thanh toán: 92.425.300 đồng. Đối chiếu các phiếu giao nhận hàng hoá, bảng kê và hoá đơn nguyên đơn cung cấp là phù hợp về số lượng hàng hoá, thời gian vi phạm nghĩa vụ và số tiền còn phải thanh toán. Bị đơn không tham gia tố tụng cũng như không cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh đã thanh toán cho nguyên đơn. Do đó, căn cứ về thời hạn và phương thức thanh toán tại Điều II của hợp đồng thì bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên yêu cầu của Công ty Sắt thép K yêu cầu Công ty H thanh toán số tiền mua hàng còn thiếu là 598.171.024 đồng là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 50 Luật Thương mại.

[2.4] Về yêu cầu tiền lãi chậm thanh toán từ ngày vi phạm nghĩa vụ thanh toán của 05 hoá đơn trên số nợ gốc tính đến ngày 08/6/2022 là 86.636.764 đồng, mức lãi suất yêu cầu là 8%/năm × 150% = 12%/năm. Theo xác minh của Tòa án về lãi suất cho vay ngắn hạn trung bình trên thị trường của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng Xăng dầu Petrolimex tại thời điểm thanh toán là 8,6%/năm, lãi suất quá hạn thanh toán bằng lãi suất cho vay ngắn hạn x lãi suất phạt quá hạn 150% tương đương 12,9%/năm.

Như vậy, Công ty Sắt thép K yêu cầu Công ty H thanh toán lãi chậm thanh toán đối với 05 hóa đơn vào các ngày 25/01/2021, 21/01/2021, 28/01/2021, 02/02/2021,

13/3/2021 tính đến ngày 08/6/2022 tương đương số tiền 86.636.764 đồng là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

[2.5] Về yêu cầu phạt vi phạm hợp đồng: Theo khoản 2, Điều IV của hợp đồng nguyên tắc ngày 20/11/2020 các bên có thoả thuận bên vi phạm có nghĩa vụ phải chịu tiền phạt vi phạm hợp đồng là 0,05%/ngày trên số tiền vi phạm, mức phạt cao nhất là 8% giá trị hợp đồng. Như vậy, tính đến ngày 31/3/2022 nếu áp dụng mức phạt vi phạm 0,05%/ngày trên số tiền nợ gốc chậm thanh toán của 05 hóa đơn vào các ngày 25/01/2021, 21/01/2021, 28/01/2021, 02/02/2021, 13/3/2021 thì Công ty HG ENC phải chịu phạt với số tiền 144.394.606 đồng. Tuy nhiên, mức phạt cao nhất là 8% trên số tiền nợ gốc tính đến ngày 31/3/2022 là 47.853.682 đồng nên nguyên đơn yêu cầu phạt vi phạm hợp đồng là 8% tương đương số tiền 47.853.682 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 300, 301 Luật thương mại 2005.

[3] Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 24, khoản 1 Điều 50, khoản 1 Điều 55, Điều 300, Điều 301, Điều 306 của Luật Thương mại 2005.

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV Sắt Thép K đối với Công ty TNHH Xây dựng và Kỹ Thuật H về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa".

Buộc Công ty TNHH Xây dựng và Kỹ Thuật H có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH MTV Sắt Thép K các khoản sau:

- Số tiền nợ gốc là 598.171.024 đồng (năm trăm chín mươi tám triệu một trăm bảy mươi mốt nghìn không trăm hai mươi bốn đồng).

- Tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tính đến ngày 08/6/2022 là 86.636.764 đồng (tám mươi sáu triệu sáu trăm ba mươi sáu nghìn bảy trăm sáu mươi bốn đồng).

- Tiền phạt vi phạm hợp đồng tính đến ngày 31/3/2022 là 47.853.682 đồng (bốn mươi bảy triệu tám trăm năm mươi ba nghìn sáu trăm tám mươi hai đồng).

Tổng số tiền là 732.661.470 đồng (bảy trăm ba mươi hai triệu sáu trăm sáu mươi mốt nghìn bốn trăm bảy mươi đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

Công ty TNHH Xây dựng và Kỹ Thuật H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 33.306.459 đồng (ba mươi ba triệu ba trăm lẻ sáu nghìn bốn trăm năm mươi chín đồng).

Công ty TNHH MTV Sắt Thép K không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Công ty TNHH MTV Sắt Thép K tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 16.362.000 đồng (mười sáu triệu ba trăm sáu mươi hai nghìn đồng) đã nộp tại biên lai thu số AA/2021/0000984 ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Dầu Một;
- Đương sự;
- Cổng Thông tin điện tử của Tòa án (nếu có)
- Lưu: hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Ái Ngân